TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH SƠN** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/DS-ST
Ngày 12/4/2021
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đô.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quốc Thìn;

2. Bà Phạm Thị Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quang Bình, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2020/TLST-DS ngày 05/10/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2021/QĐXXST-DS ngày 22/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/QĐST-DS ngày 02/4/2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Dương Văn N (tên gọi khác: H), sinh năm 1976; địa chỉ: Số 44/4 N, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn M, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 08/9/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ông Dương Văn N (sau đây viết tắt là ông N) trình bày:*

Năm 2019, ông có bán hàng hóa (quần áo) cho Anh Nguyễn Tấn M (sau đây viết tắt là anh M), việc mua bán quần áo không lập hợp đồng nhưng theo thông lệ mỗi lần ông giao quần áo thì anh M thanh toán tiền cho ông, tuy nhiên có một lần ông giao hàng thì anh M không thanh toán số tiền 89.358.000 đồng (tám mươi chín triệu ba trăm năm mươi tám nghìn đồng) và hẹn vài ngày sẽ trả.

Do không có tiền để trả nên ngày 19/6/2019, anh M có viết giấy xác nhận nợ ông số tiền mua bán hàng hóa (quần áo) là 89.358.000 đồng (tám mươi chín triệu ba trăm năm mươi tám nghìn đồng) nêu trên và hứa hàng tháng sẽ trả từ 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đến 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) cho đến khi trả xong nợ. Tuy nhiên, sau đó anh M không trả tiền như cam kết, mặc dù ông đã nhiều lần yêu cầu trả nợ.

Nay ông khởi kiện yêu cầu anh M trả số tiền nợ mua bán hàng hóa là 89.358.000 đồng (tám mươi chín triệu ba trăm năm mươi tám nghìn đồng); ông không yêu cầu trả lãi.

** Bị đơn là Anh Nguyễn Tấn M đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa và không có văn bản trình bày ý kiến.*

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định về trình tự, thủ tục phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N; buộc anh M có nghĩa vụ trả cho ông N số tiền 89.358.000 đồng (tám mươi chín triệu ba trăm năm mươi tám nghìn đồng); anh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn là ông N vắng mặt tại phiên tòa, có đề nghị xét xử vắng mặt; Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn là anh M vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[1.2] Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh M nhưng anh M không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ và không đến Tòa án làm việc, hòa giải, xét xử. Căn cứ vào khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo ông N trình bày thì anh M có nợ ông số tiền (tiền bán quần áo cho anh M) tổng cộng là 89.358.000 đồng (tám mươi chín triệu ba trăm năm mươi tám nghìn đồng), ông N đã yêu cầu anh M trả nợ nhưng anh M không trả; chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, ông N cung cấp cho Tòa án giấy nợ tiền ghi ngày 19/6/2019 thể hiện anh M xác nhận khoản nợ nêu trên và cam kết trả nợ cho ông N mỗi tháng từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

[2.2] Anh M không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông N, không có ý kiến phản đối các tình tiết, sự kiện mà ông N đưa ra. Căn cứ quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì các tình tiết, sự kiện mà ông N đưa ra nêu trên không phải chứng minh; do đó, xác định ông N có bán quần áo cho anh M với số tiền là 89.358.000 đồng (tám mươi chín triệu ba trăm năm mươi tám nghìn đồng), hiện nay anh M vẫn chưa thanh toán số tiền nêu trên cho ông N.

[2.3] Từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử sơ thẩm thì anh M vẫn chưa trả nợ cho ông N, không đến Tòa án làm việc, hòa giải; điều này đã thể hiện anh M (là bên mua tài sản) không có thiện chí thực hiện nghĩa vụ trả tiền của mình trong hợp đồng mua bán tài sản. Vì vậy, ông N khởi kiện yêu cầu anh M trả số tiền 89.358.000 đồng (tám mươi chín triệu ba trăm năm mươi tám nghìn đồng) là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[2.4] Anh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.467.000 đồng (bốn triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) theo quy định tại các Điều 147, 150 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; hoàn trả tạm ứng án phí cho ông N.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 91, 92, 144, 147, 150, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 430, 440 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Buộc Anh Nguyễn Tấn M có nghĩa vụ trả cho Ông Dương Văn N số tiền 89.358.000 đồng (tám mươi chín triệu ba trăm năm mươi tám nghìn đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Anh Nguyễn Tấn M phải chịu 4.467.000 đồng (bốn triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Hoàn trả cho Ông Dương Văn N số tiền tạm ứng án phí 2.234.000 đồng (hai triệu hai trăm ba mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0000871 ngày 29/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện S;
- CCTHADS huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Đô

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**